CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 27 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***267 960***	***115 635***	***149 900***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**88 698**	**27 917**	**60 781**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***54 450***	***27 917***	***26 533***			
1		KDT MIỀN BẮC	25/05	922/05	31/05	TRƯỜNG AN 125	CÁM 5A.1	5 050	4 941	109	26/05	PTCB	
2		KDT CẦU ĐUỐNG	24/05	921/05	31/05	BN 1758	CỤC XÔ 1C	1 000	286	714	DỞ	TD	THAY TBGT SỐ 884/05 NGÀY 15/2/2025
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/05	912/05		HẢI NAM 82	CÁM 6A.1	48 400	22 690	25 710	DỞ		
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***34 248***		***34 248***			
1		KDT BẮC THÁI	29/04	572/04	30/04	HD 2095	CÁM 1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	29/04	573/04	30/04	BN 2022	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	29/04	574/03	30/04	BN 1958	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/04	614/04	29/04	BN 2565	BÙN 3A	1 958		1 958		TD	GIA HẠN L1
5		CROMIT THANH HOÁ	30/04	615/04	29/04	BN 2395	BÙN 3B	1 969		1 969		TD	GIA HẠN L1
6		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
7		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
8		DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
9		CP HÀNG HẢI VN	12/05	818-B/05	20/05	BN 2616	BÙN 3B	1 700		1 700		TD	THAY TBGT SỐ 818/05 NGÀY 05/05/2025
10		ĐT TMDV VINACOMIN	06/05	832/05	21/05	BN 2122	CÁM 4B.1	2 000		2 000		TD	
11		THAN SÔNG HỒNG	22/05	834/05	21/05	BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
12		DVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
13		CROMIT THANH HOÁ	08/05	843/05	14/05	NĐ 2926	BÙN 3B	1 408		1 408		TD	
14		KDT NINH BÌNH	14/05	878/05	31/05	BN 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005			
15		THAN UÔNG BÍ	14/05	880/05	31/05	BN 1886	BÙN 3B	900		900		TD	THAY TBGT SỐ 860/05 NGÀY 11/05/2025
16		KDT CẦU ĐUỐNG	15/05	884/05	31/05	BN 2056	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
17		KDT BẮC THÁI	15/05	885/05	31/05	BN 1368	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
18		KDT BẮC THÁI	18/05	892/05	31/05	BN 0746	CÁM 1	750		750		TD	THAY TBRT SỐ 572/03 NGÀY 29/04/2025
19		V-TRACO	21/05	914-B/05	31/05	BN 0979	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	Thay TBGT số 914/05 ngày 21/05/2025
20		THAN MIỀN NAM	26/05	926/05	31/05	VINACOMIN CẨM PHẢ	CÁM 5A.1	5 700		5 700			
								2 700		2 700			
	Tàu chuyển tải							**140 450**	**79 049**	**61 401**			
	Tàu đang làm hàng							***111 600***	***79 049***	***32 551***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/05	911/05		SUN GOLD	CÁM 6A.1	43 300	23 299	20 001	DỞ		TTCO:23.298,71 - TTHG:20.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/05	898-B/05		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 600	23 855	3 745	DỞ		TTHG:20.000 - KVCP:7.700
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/05	899/05		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	40 700	31 895	8 805	DỞ		TTCO: 24.800 - CLM:5.000 - CP KDT:5.000 - KVCP:5.000

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 27 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***28 850***		***28 850***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	26/05	925/05		HẢI NAM 39	CẨM 6A.10	28 850		28 850			KDT CP:8.000 - CLM:10.000 - KVCP: 10.850
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**27 118**	**1 768**	**22 926**			
	Tàu đã làm hàng							***2 980***	***1 768***	***-1 212***			
1		CROMIT THANH HOÁ	25/5	1 255	31/5	VIỆT TRUNG 68	CẨM 8A	1 980	776	-1 204	dở	TD	
2		SÔNG HỒNG	25/5	1 221	31/5	BN - 2112	CỤC 1B	1 000	992	- 8	26/5	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***24 138***		***24 138***			
1		CẦU ĐUỐNG	17/5	854	31/5	BN - 2225	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
2		CP VT&KD THAN	19/5	957	31/5	BN - 1799	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
3		CP DVVT QNINH	21/5	1 042	31/5	BN - 2339	CẨM 8A	1 900		1 900		TD	
4		CP ĐTTM&DV	21/5	1 051	31/5	BN - 1959	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
5		HÀ NỘI	22/5	1 120	31/5	BN - 2228	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
6		CẦU ĐUỐNG	23/5	1 136	31/5	HD - 2155	CẨM 8A	1 870		1 870		TD	
7		COALIMEX	23/5	1 152	31/5	BN - 1826	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
8		XD CN MỎ	23/5	1164B	31/5	BN - 1883	CỤC 1B	1 250		1 250		TD	
9		COALIMEX	23/5	1 166	31/5	HD - 2099	CẨM 8A	1 979		1 979		TD	
10		HẢI PHÒNG	25/5	1 216	31/5	HD - 6299	CẨM 8A	2 000		2 000		TD	
11		SÔNG HỒNG	25/5	1 221	31/5	BN - 2112	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
12		MIỀN NAM	25/5	1 257	31/5	HOÀNG ANH 39	CẨM 8A	3 000		3 000		TD	
13		THANH HOÁ	26/5	1 290	31/5	BN - 1826	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
14		CROMIT THANH HOÁ	26/5	1 291	31/5	HD - 1955	CẨM 8A	1 545		1 545		TD	
15		MIỀN BẮC	26/5	1 293	31/5	BN - 2556	CẨM 7B	1 690		1 690		PT CB	
16		CP VT THUỶ	26/5	1 294	31/5	BN - 1348	CỤC 1B	950		950		TD	
17		CP HÀNG HẢI VN	26/5	1 302	31/5	BN - 1309	CẨM 8A	904		904		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**3 184**	**3 181**	**3**			
	Tàu đã làm hàng							***3 184***	***3 181***	***3***			
1		ĐIỆN PHÁ LẠI		1 215		HP 5866	Cám 5a.14	3 184	3 181	3	26/05		
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**8 510**	**3 721**	**4 789**			
	Tàu đã làm hàng							***4 160***	***3 721***	***439***			
1		THAN SÔNG HỒNG	26/5	987	31/5	BN 1809	Don 8a	1 040	995	45	26/5	TD	
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/5	1 301	31/5	KHÁNH MINH 19	Cám 5b.1	2 100	2 097	3	26/5	CBPT	
3		VTT VINACOMIN		1 283		BN 1883	Don 8b	1 020	628	392	DỞ	TD	T/T TBGT 1013/5

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 27 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm lệnh							***4 350***		***4 350***			
1		VT KDT VINACOMIN	26/5	1 285	31/5	BN 2335	Cục 1b	1 000		1 000		TD	
2		THAN MIỀN NAM	26/5	1 292	31/5	HOÀNG ANH 568	Cục 4a.2	1 500		1 500			
3							Cám 5a.1	1 850		1 850			
V	**TÀU XUẤT KHẨU**												
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				-	-	-			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												